



BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2020

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP .Error! Bookmark not defined.

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp>Error! Bookmark not defined.

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....Error! Bookmark not defined.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp>Error! Bookmark not de

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp>Error! Bookmark

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chínhError! Bookmark not defined.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
.....19

1. Đặt vấn đề19

2. Tổng quan chung.....19

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩnError! Bookmark not defined.

3.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý>Error! Bookmark not defined.

3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạoError! Bookmark not defined.

3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
.....Error! Bookmark not defined.

3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trìnhError! Bookmark not defined.

3.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư việnError!
Bookmark not defined.

3.2.6. Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác
quốc tế.....1

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính.....Error! Bookmark not defined.

3.2.8. Tiêu chí 8 - Dịch vụ người họcError! Bookmark not defined.

3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.Error! Bookmark not
defined.

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG35

TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM.....35

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....36

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung
1	Trường	Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM
2	BGH	Ban giám hiệu
3	BXD	Bộ Xây dựng
4	BTC	Bộ Tài chính
5	HĐT	Hội đồng trường
6	CP	Chính phủ
7	LĐTBOXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
8	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
9	CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
10	KĐCL	Kiểm định chất lượng
11	BTTTT	Bí thư thường trực
12	TCHC	Tổ chức hành chính
13	TCKT	Tài chính kế toán
14	KH-HTQT&ĐBCL	Khoa học – Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo chất lượng
15	TS-CT.SVHS	Tuyển sinh - Công tác sinh viên học sinh
16	QLXD	Quản lý xây dựng
17	HNĐT&DV	Hướng nghiệp đào tạo và dịch vụ
18	ĐTTH-ÚDCNXD	Đào tạo thực hành - Ứng dụng Công nghệ xây dựng
19	NN-TH	Ngoại ngữ - Tin học
20	TT-TV	Thông tin - thư viện
21	TT	Trung tâm
22	GDTC	Giáo dục thể chất
23	NSNN	Ngân sách Nhà nước
24	HSSV	Học sinh - Sinh viên
25	TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
26	QĐ	Quyết định

27	UBND	Ủy ban nhân dân
28	KTXH	Kinh tế xã hội
29	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
30	CBCCV	Cán bộ công chức viên chức
31	V/v	Về việc
32	ĐA	Đề án
33	GCNĐKHHĐ	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
34	TCDN	Tổng cục dạy nghề
35	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
36	ĐUK	Đảng Ủy khối
37	CTr	Chương trình
38	ĐU	Đảng Ủy
39	BCH	Ban chấp hành
40	VP	Văn phòng
41	NQ	Nghị quyết
42	TNCS	Thanh niên Cộng sản
43	CĐCS	Công đoàn cơ sở
44	BC	Báo cáo
45	HS	Hồ sơ
46	TC	Trung cấp
47	CĐ	Cao đẳng
48	TT	Thông tư
49	TC	Trung cấp
50	CĐ	Cao đẳng
51	BNV	Bộ Nội vụ
52	GV	Giảng viên
53	NLĐ	Người lao động
54	TDTT	Thể dục thể thao
55	PCCC	Phòng cháy chữa cháy

56	TSCĐ	Tài sản cố định
57	KT-KT	Kinh tế - Kỹ thuật
58	GCN	Giấy chứng nhận
59	ĐKHĐDN	Đăng ký hoạt động dạy nghề
60	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
61	CNTT	Công nghệ thông tin
62	CHLB	Cộng hòa Liên bang
63	CLB	Câu lạc bộ
64	CNKTCTXD	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng
65	CNKT	Công nghệ kỹ thuật
66	XD	Xây dựng
67	KTX	Ký túc xá
68	BM	Bộ môn

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

1. Thông tin chung về Nhà trường

- Tên trường: Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên Tiếng Anh: Ho Chi Minh City College of Construction (HCC)
- Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng
- Địa chỉ trường:
- Trụ sở chính: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 1: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: 228 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 3: Đường 11, Phường Long bình, Quận 9, Tp Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028 38962938
- Số fax: 028 38968161
- Email: ptchc.cdxd2@gmail.com
- Website: www.hcc2.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: Trường Trung học Xây dựng số 7 theo QĐ số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ Xây dựng
 - + Năm nâng cấp thành trường: Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 theo QĐ số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ.
 - + Năm nâng cấp thành trường: (Đổi tên trường) Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh theo QĐ số 1148/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

2.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (tên cũ Trường Cao đẳng Xây dựng số 2) - tiền thân là Trường Trung học Xây dựng Số 7 (được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng), đến năm 1999, đề tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ

tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 (Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ). Trường có nhiệm vụ: đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường.

Với bề dày trên 40 năm hoạt động đào tạo nguồn nhân lực ngành Xây dựng cho các tỉnh thành phía Nam. Nhiều học sinh, sinh viên của Trường đã trưởng thành và giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong ngành xây dựng ở cấp tỉnh thành, cấp quận huyện, các doanh nghiệp xây dựng, là lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật nòng cốt của các cơ quan quản lý về xây dựng và các doanh nghiệp xây dựng; chất lượng đào tạo của Trường đã được khẳng định, gần 100% học sinh, sinh viên tốt nghiệp hàng năm có việc làm đúng với ngành, nghề đào tạo. Trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo đạt chuẩn, có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, nhiệt huyết trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong công tác nghiên cứu khoa học đã tập trung vào một số lĩnh vực chính như: Nghiên cứu và thực hiện các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp Trường; đổi mới nội dung chương trình đào tạo; biên soạn giáo trình, bài giảng các môn học thuộc các chuyên ngành đào tạo của Trường; đổi mới, cải tiến phương pháp giảng dạy tích cực, lấy sinh viên học sinh làm trung tâm; cải tiến công tác quản lý giáo dục sinh viên học sinh phục vụ công việc chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ; thiết kế, chế tạo và ứng dụng các mô hình, đồ dùng dạy học.

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016 đã giao quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH). Từ ngày 01/01/2017, các Trường Cao đẳng và Trung cấp đã được Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội thống nhất quản lý về mặt giáo dục nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện tăng cường đào tạo theo các định hướng thực hành. Việc định hướng cho việc cung cấp nguồn nhân lực cho ngành và địa phương được đảm bảo hiệu quả nhất, do vậy cần có sự năng động trong đổi mới đào tạo, kết nối đào tạo với thực tiễn, nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

Với thực tiễn Vùng đô thị Tp.HCM trong quá trình phát triển, nhu cầu đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng thì khu vực này sẽ là một đại công trường lớn nhất nước hiện nay với nhu cầu nhân lực làm việc trong lĩnh vực xây dựng là rất lớn. Vùng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 ước tính có khoảng 2,5 triệu người làm việc trong lĩnh vực xây dựng, trong đó, mục tiêu là có 1,62 triệu người đã qua đào tạo ở mọi cấp học.

2.2. Thành tích nổi bật

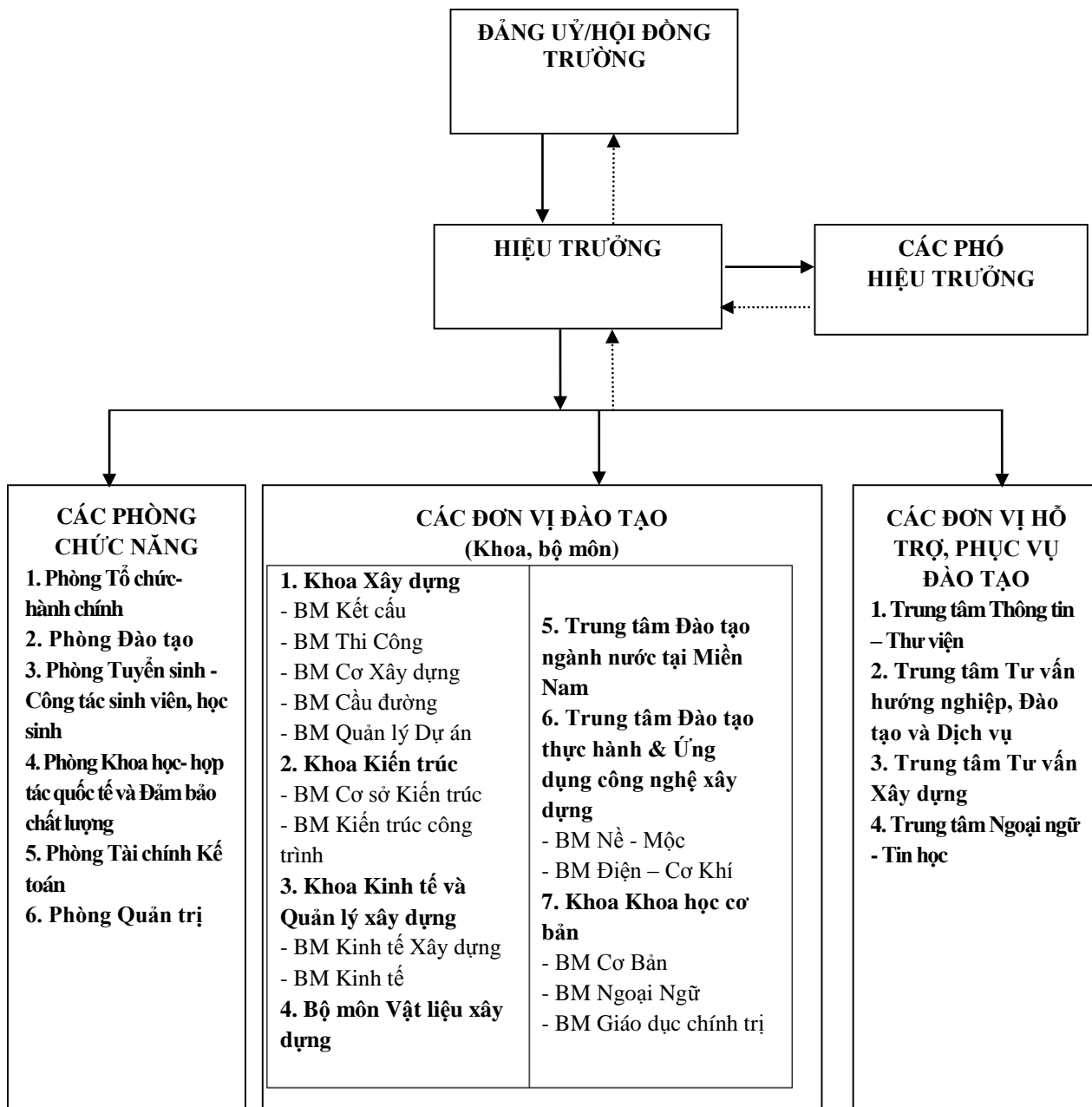
Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Xây dựng và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ CNVC – nhà giáo và HSSV, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể nhà trường liên tục được công nhận Trường tiên tiến xuất sắc của Bộ, được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Trung ương tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1996.
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1998.
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2006.
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2008.
- Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2003, 2005 và năm 2009.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng năm 2000, 2008.
- 01 đồng chí được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú.
- 01 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì, 04 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
- Nhiều đồng chí được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua Ngành, 01 đồng chí được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc,
- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- Nhiều cá nhân được tặng Kỷ niệm chương của Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Y tế, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng bộ Xây dựng
- Nhiều cá nhân, tập thể được tặng Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Cờ Đơn vị hoạt động Công đoàn xuất sắc năm 2008 của Công Đoàn Xây dựng Việt Nam
- Nhiều năm liền được công nhận Tập thể lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.
- Nhiều lượt tập thể và cá nhân được tặng danh hiệu và hình thức khen thưởng của các Bộ, Ngành, Trung ương.
- 29 nhà giáo được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia
- 04 sinh viên đạt giải khuyến khích năm 2013, 04 sinh viên đạt giải khuyến khích năm 2015, 06 sinh viên đạt giải khuyến khích năm 2016, Hội thi Olympic Cơ học toàn quốc, nhiều sinh viên đạt giải trong các cuộc thi tay nghề.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

3.1. Cơ cấu tổ chức:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



3.2. Nhân sự của Trường

* Năm 2017:

Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường là 188 người:

+ Học đồng 68: 17 người

+ Phòng ban: 46 người

- + Nam: 102 người
- + Nữ: 86 người
- + Nhà giáo: 120 người
- + Cơ hữu: 120 người, trong đó:

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	5
Thạc sĩ	68
Đại học	46
Cao đẳng (Tay nghề Thợ bậc 5/7)	1
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	120

*** Năm 2018:**

Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường là 174 người:

- + Hợp đồng 68: 17 người
- + Phòng ban: 46 người
- + Nam: 93 người
- + Nữ: 81 người
- + Nhà giáo: 111 người
- + Cơ hữu: 111 người, trong đó:

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	3
Thạc sĩ	74
Đại học	33

Trình độ đào tạo	Tổng số
Cao đẳng (Tay nghề Thợ bậc 5/7)	1
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	111

*** Năm 2019:**

Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường là 164 người:

+ Hợp đồng 68: 16 người

+ Phòng ban: 44 người

+ Nam: 85 người

+ Nữ: 79 người

+ Nhà giáo: 104 người

+ Cơ hữu: 104 người, trong đó:

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	1
Thạc sĩ	74
Đại học	28
Cao đẳng (Tay nghề Thợ bậc 5/7)	1
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	104

*** Năm 2020**

Tổng số cán bộ, nhân viên của Trường là 167 người:

+Hợp đồng 68: 17 người

+Phòng ban: 46 người

+ Nam: 87 người

+ Nữ: 80 người

+ Nhà giáo: 104 người

+ Cơ hữu: 104 người, trong đó:

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	1
Thạc sĩ	73
Đại học	29
Cao đẳng (Tay nghề Thợ bậc 5/7)	1
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	104

3.3. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Văn Thọ	1970	Thạc sĩ	Chủ tịch HĐQT
	Nguyễn Bá Khiêm	1979	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng – Phụ trách trường
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Nguyễn Văn Thọ	1970	Thạc sĩ	Bí thư
	Nguyễn Bá Khiêm	1979	Thạc sĩ	Phó BT TT

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Công Đoàn	Đào Việt Quốc	1970	Cử nhân	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Dương Công Đức	1980	Thạc sỹ	Bí thư
Nữ công	Trần Thị Lan Hương	1984	Cử nhân	Trưởng ban
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Nguyễn Đình Đa	1963	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Nguyễn Thị Trang	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tuyển sinh-Công tác SVHS	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	1973	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Nguyễn Văn Quý	1969	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Lê Khắc Toàn	1975	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng KH-HTQT&ĐBCL	Phạm Thị Lê Vân	1984	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng- Phụ trách phòng
4. Trưởng các khoa/ Bộ môn				
Khoa Xây dựng	Chu Tuấn Hảo	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kiến trúc	Nguyễn Lan Phương	1967	Kiến trúc sư	Phó trưởng khoa – Phụ trách khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Phạm Thị Cẩm Lê	1970	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa – Phụ trách khoa
Khoa Kinh tế & QLXD	Đỗ Thị Xuân Thu	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Bộ môn Vật liệu xây dựng	Phạm Minh Đức	1977	Thạc sỹ	Trưởng bộ môn
5. Trưởng Trung tâm trực thuộc				
Trung tâm Tư vấn xây dựng	Nguyễn Châu Hồng Duy	1979	Kỹ sư	Giám đốc

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Trung tâm Tư vấn HNĐT&DV	Nguyễn Thùy Dương	1977	Cử nhân	Giám đốc
Trung tâm ĐTTH-UĐCNXD	Vũ Sĩ Tuấn	1964	Kỹ sư	Giám đốc
Trung tâm NN-TH	Võ Thị Thanh Loan	1976	Cử nhân	Phụ trách TT
Trung tâm TT-TV	Võ Văn Thiệp	1978	Cử nhân	Giám đốc
Trung tâm Đào tạo Ngành Nước tại miền Nam	Vương Đức Hải	1976	Thạc sĩ	Giám đốc

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Cao đẳng	1.807	2.071	2.257	2.262
2	Quản lý xây dựng	Cao đẳng	376	355	359	358
3	Công nghệ kỹ thuật giao thông	Cao đẳng	106	61	36	27
4	Cấp, thoát nước	Cao đẳng	81	70	68	68
5	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	Cao đẳng	16	13	17	21
6	Kế toán	Cao đẳng	122	99	90	81
7	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	105	96	102	116
8	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Cao đẳng	164	224	270	298
9	Quản lý toà nhà	Cao đẳng	1	2	2	2
10	Quản lý khu đô thị	Cao đẳng	0	0	0	0

TT	Tên ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
11	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	Cao đẳng	0	0	0	0
12	Trắc địa công trình	Cao đẳng	1	6	10	10
13	Lắp đặt điện công trình	Cao đẳng	2	5	5	3
14	Điện công nghiệp	Cao đẳng	0	11	38	60
15	Tự động hoá công nghiệp	Cao đẳng	0	0	0	0
16	Thiết kế nội thất	Cao đẳng	0	12	46	101
17	Quản trị kinh doanh bất động sản	Cao đẳng	3	17	40	56
18	Tiếng Anh	Cao đẳng	0	6	21	33
19	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung cấp	127	96	69	66
20	Cấp thoát nước	Trung cấp	35	44	51	62
21	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	0	0	0	0
22	Thiết kế nội thất	Trung cấp	0	0	0	0
23	Hoạ viên kiến trúc	Trung cấp	0	0	0	0
24	Tự động hoá công nghiệp	Trung cấp	0	0	0	0
	Tổng cộng		2.946	3.189	3.484	3.624

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất của trường: 38.544m², trong đó:

Cơ sở 1: Khu học tập và làm việc tại 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 15.302,8 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.291,8 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 10.011 m²

Cơ sở 2: Trung tâm đào tạo Thực hành và Ứng dụng công nghệ xây dựng tại đường số 11, phường Long Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 15.000 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.664 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 9336 m²

Cơ sở 3: Khu Ký túc xá: tại số 281 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất: 8.241,3 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 1.468 m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 6.773 m²

STT	TÊN KHỐI NHÀ	LOẠI PHÒNG	ĐVT	DIỆN TÍCH/ SỐ PHÒNG					
				ĐẤT	XÂY DỰNG	CẤP CÔNG TRÌNH	SỐ TẦNG	SỐ PHÒNG HỌC	SÀN
1	CƠ SỞ 1: KHU HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC (190 VÕ VĂN NGÂN, BÌNH THỌ, THỦ ĐỨC, TP. HCM)		m ²	15.302	6.044				19.897
1.1	Khối nhà A		m ²		810	III	5		4.050
1.1.1	Nhà làm việc	Làm việc	m ²						3.735
1.1.2	Phòng học vi tính	Vi tính	m ²					5	315
1.2	Khối nhà B	Lý thuyết	m ²		614	III	3	12	1.842
1.3	Khối nhà C	Lý	m ²			III	5	25	

STT	TÊN KHỐI NHÀ	LOẠI PHÒNG	ĐVT	DIỆN TÍCH/ SỐ PHÒNG					
				ĐẤT	XÂY DỰNG	CẤP CÔNG TRÌNH	SỐ TẦNG	SỐ PHÒNG HỌC	SÀN
		thuyết			940				4.700
1.4	Khối nhà D		m ²		1.050	III	2,5	15	2.625
1.4	Khu thực hành JCT	Thực hành	m ²		1.400	IV	1	2	1.400
1.5	Khu giáo dục thể chất ngoài trời	GDTC	m ²		1.000		1	1	1.000
1.6	Cổng- nhà bảo vệ	Khác	m ²		30	IV	1	1	30
1.7	Căn tin	Phục vụ	m ²		200	IV	1	1	200
1.8	Sân đường, khuôn viên cây xanh	Khác	m ²		9.258				9.258
2	CƠ SỞ 2: TRUNG TÂM ĐÀO TẠO THỰC HÀNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG (ĐƯỜNG SỐ 11, LONG BÌNH, QUẬN 9, TP. HCM)			15.000	5.998				5.998
2.1	Trung tâm nước	Thực hành	m ²		709	IV	1	2	709
2.2	Khoa đào tạo nghề	Thực hành	m ²		1.636	IV	1	6	1.636

STT	TÊN KHỐI NHÀ	LOẠI PHÒNG	ĐVT	DIỆN TÍCH/ SỐ PHÒNG					
				ĐẤT	XÂY DỰNG	CẤP CÔNG TRÌNH	SỐ TẦNG	SỐ PHÒNG HỌC	SÀN
2.3	Phòng thí nghiệm	Thực hành	m2		686	IV	1	3	686
2.4	Khối nhà thường trực, căn tin	Phục vụ	m2		334	IV	1		334
2.4.1	Phòng học lý thuyết	Lý thuyết			116		1	2	116
2.4.2	Khu căn tin	Phục vụ			218		1	1	218
2.5	Khu giáo dục thể chất ngoài trời	GDTC	m2		1.935		1	1	1.935
2.6	Trạm biến thế	Khác	m2		16	IV	1	1	16
2.7	Cổng- nhà bảo vệ	Khác	m2		18	IV	1	2	18
2.8	Khu vệ sinh chung	Thực hành	m2		80	IV	1	1	80
2.9	Nhà để xe 2 bánh	Khác	m2		250	IV	1	2	250
2.10	Sân đường, khuôn viên cây xanh	Khác	m2		9.002		1	1	9.002
3	CƠ SỞ 3: KHU KÝ TÚC XÁ HỌC SINH - SINH VIÊN (ĐƯỜNG HOÀNG DIỆU 2, LINH CHIÊU,			8.241	2.468				5.477

STT	TÊN KHỐI NHÀ	LOẠI PHÒNG	ĐVT	DIỆN TÍCH/ SỐ PHÒNG					
				ĐẤT	XÂY DỰNG	CẤP CÔNG TRÌNH	SỐ TẦNG	SỐ PHÒNG HỌC	SÀN
	THỦ ĐỨC, TP. HCM)								
3.1	Khối nhà A	Phòng ở	m2		553	III	4	42	2.062
3.2	Khối nhà B	Phòng ở	m2		500	III	4	36	2.000
3.3	Căn tin	Phục vụ	m2		150	IV	1	1	150
3.4	Nhà để xe 2 bánh	Khác	m2		250	IV	1	1	250
3.5	Cổng- nhà bảo vệ	Khác	m2		15	IV	1	1	15
3.6	Khu giáo dục thể chất ngoài trời	GDTC	m2		1.000		1	1	1.000
3.7	Sân đường, khuôn viên cây xanh	Khác	m2		5.773				5.773
TỔNG CỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT					38.543				

Ngoài ra Nhà trường đang làm thủ tục trình UBND Tp.HCM cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất 13.000 m² tại Phường Long Bình Quận 9, Tp.HCM để mở rộng khu đào tạo thí nghiệm thực hành và xây dựng Trung tâm kiểm định Xây dựng và đánh giá kỹ năng nghề Quốc gia.

1.1. Thư viện

Diện tích: 450m² bao gồm: phòng tổng hợp, phòng nghiệp vụ, kho lưu trữ

Đội ngũ nhân sự: 6 người

TT	Loại tài liệu	ĐVT	Số lượng
1	Tổng số đầu sách	Tựa	3.205
2	Tổng số bản sách	Bản	26.066
2.1	<i>Giáo trình</i>	Bản	10.745
2.2	<i>Sách tham khảo</i>	Bản	15.321
2.3	<i>Sách điện tử</i>	Bản	850
2.4	<i>Tạp chí luận văn luận án</i>	Bản	88
3	Trung bình đầu sách/ngành	Cuốn	1.629
4	Tài liệu điện tử	Tài liệu	1.400.000

1.2. Tài chính

	Nội dung	Năm 2017 (tỷ đồng)	Năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)
1	Tổng thu	40.8	42.7	45.2	41.4
	Thu NSNN cấp	18.1	19.0	18.9	18.9
	Thu học phí, lệ phí	17.9	20.0	21.1	17.0
	ODA				
	Nguồn khác	4.8	3.7	5.2	5.5
2	Tổng Quyết toán	40.8	42.7	45.2	41.4

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng cao.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng Xây dựng TPHCM đã tiến hành thực hiện tự đánh giá qua đó có thể đưa ra được các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá mà qua đó Nhà trường còn thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Trường.

2. Tổng quan chung

2.1 Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ phụ lục công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đã đạt được từ năm 2015 đến nay, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Xây dựng TPHCM, trở thành Trường chất lượng cao đạt chuẩn khu vực Asean và quốc tế.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.
- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, minh chứng và đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến từ các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học, cựu HSSV và người sử dụng lao động.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập thông tin, minh chứng.
- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.

- Đánh giá mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	97
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.		
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.		
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.		
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.		
	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	nâng cao trình độ.		
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	14
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	tiên liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.		
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	được sử dụng theo quy định hiện hành.		
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	0	0
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	0

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9	9

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.		
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hàng năm, trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch, thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện tiến độ giảng dạy và chất lượng các phương thức tổ chức đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV.

Tăng cường liên kết đào tạo với các đơn vị, tổ chức trong nước và quốc tế.

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học chuyên môn hóa, đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo điều kiện tốt cho hoạt động dạy và học. 100% số phòng học chuyên môn được trang bị thiết bị dạy học đa phương tiện.

100% giáo viên sử dụng thành thạo thiết bị đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Xây dựng, cải tiến, hoàn thiện nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, các chuẩn đào tạo nghề;

Hoàn thiện quy chế để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học, hàng năm có trên 70% giáo viên có đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, làm mới các mô hình, học cụ được áp dụng vào giảng dạy, trong đó có đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường nước ngoài.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng giáo viên nhằm chủ động kế hoạch giảng dạy, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Giai đoạn 2020 - 2021: Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ quản lý; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, phấn đấu đạt 80% giáo viên trở lên có khả năng sử dụng ngoại ngữ để phục vụ chuyên môn; 50% giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính; đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào phục vụ giảng dạy, mở rộng phạm vi và đa dạng nội dung thâm nhập thực tế của đội ngũ giáo viên; tuyển dụng bổ sung,

đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên và nhân viên để đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tăng cường trao đổi thông tin, tư liệu với các đơn vị khác; các biện pháp hỗ trợ và tư vấn cho độc giả của thư viện.

Trong giai đoạn 2020 - 2021, nhà trường sẽ đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường, tổ chức quốc tế về hợp tác phát triển đào tạo nghề. Tiếp tục thực hiện dự án đào tạo các lớp thí điểm theo chương trình của Đức.

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước và nước ngoài nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đồng thời mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động nhằm giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng dạy nghề.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TC GDNN (để b/c)
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, KH-HTQT&ĐBCL

ThS Nguyễn Bá Khiêm